

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-PT
Ngày: 30/3/2018
V/v tranh chấp “Vay tài
sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Hòa
Bà Thái Thị Huyền Trân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/DSPT, ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh AG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2018/QĐXX-DSPT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967; nơi cư trú số 9224, tổ 5, ấp H, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1954;
- Ông Lý Thanh Đ, sinh năm 1959;
- Ông Lý Huy C, sinh năm 1980;

Cùng nơi cư trú: tổ 4, khóm 4, phường A, thành phố CD, tỉnh AG.

Ông Lý Thanh Đ có bà Lê Thị D đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 17/5/2017).

Ông Lý Huy C có bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1984; địa chỉ: Lầu 3-29 TL, phường X, quận T, thành phố H, đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/4/2017).

4. *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Lý Huy C.

Có mặt tại phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị D và bà Nguyễn Thị Ngọc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Ngày 05/12/2014, bà có cho ông Lý Thanh Đ, bà Lê Thị D và ông Lý Huy C vay số tiền 1.800.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích để đáo hạn ngân hàng cho gia đình, thời hạn vay 02 tháng. Quá trình vay, ông Đ, bà D trả nợ được 03 lần: tháng 10/3/2015 trả 100.000.000 đồng; ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng; ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng. Sau đó, ông Đ, bà D có kêu bà đến để chuyển nhượng quyền sử dụng đất trừ số nợ nhưng không thỏa thuận được giá. Bà nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà D và ông C trả nợ, hứa sẽ thanh toán đủ vốn, lãi vào cuối năm 2016 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà D, ông C phải liên đới trả cho bà số tiền vốn 1.800.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày vay 05/12/2014 đến khi xét xử, có khấu trừ số tiền 400.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình, gồm: Bản chính 01 biên nhận ngày 10/3/2015 có nội dung “...chị Đ có trả tiền cho C cho em T trước 100.000.000 đồng còn 1.700.000.000 đồng” có chữ ký của bà D và tờ giấy ghi: ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 03/1/2016 trả 100.000.000 đồng;

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị D trình bày: Cách đây hơn 01 năm, bà T có đến nhà bà đòi nợ ông C. Khi đó, bà T chỉ gặp bà nên bà có nghe nói việc ông C vay tiền của bà T. Sau đó, bà đồng ý hỗ trợ cho ông C trả tiền cho bà T 03 lần: ngày 10/3/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 400.000.000 đồng. Việc trả tiền do bà giao trực tiếp giao cho bà T, tại nhà bà không ai chứng kiến, bà có yêu cầu bà T ký xác nhận đã nhận tiền vào biên nhận.

Bà D xác định chỉ hỗ trợ ông C trả 400.000.000 đồng chứ không vay tiền hay đứng ra nhận trách nhiệm trả khoản nợ này cho bà T. Đối với yêu cầu buộc bà, ông Đ và ông C liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T thì bà không đồng ý.

Ông Lý Thanh Đ có lời khai: Theo thông tin ông được biết con trai ông là Lý Huy C có vay mượn của bà T một số tiền để làm ăn. Do không có khả năng chi trả nên vợ ông là Lê Thị D có hỗ trợ ông C tổng cộng 400.000.000 đồng chi

trả cho bà T, bà T có xác nhận. Ông khẳng định không giao dịch vay mượn tiền với bà T. Nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Lời khai của ông Lý Huy C cùng ý kiến của người đại diện theo ủy quyền cho ông C là bà Nguyễn Thị Ngọc Bích cho rằng: Vào ngày 05/12/2014, ông C có vay của bà T 310.000.000 đồng, được bà T mang vàng quy đổi thành tiền mặt giao cho ông C. Ông có ký biên nhận nợ cho bà T. Ngoài ra, ông C còn vay của bà T 1.220.000.000 đồng nên tổng cộng ông C nợ bà T 1.530.000.000 đồng. Cả hai biên nhận đều do bà T giữ. Do không có khả năng trả nợ nên bà D có nhiều lần hỗ trợ ông C trả nợ cho bà T, cụ thể: ngày 10/3/2015 trả 100.000.000 đồng, ngày 31/8/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng, tổng cộng đã trả 400.000.000 đồng. Nên khấu trừ vào vốn thì ông C chỉ còn nợ bà T 1.130.000.000 đồng. Ông C xác định, ông C chỉ vay của bà T 1.530.000.000 đồng chứ không phải 1.800.000.000 đồng. Ông Đ và bà D không liên quan đến việc vay khoản nợ này.

Đại diện theo ủy quyền cho ông C, bà Bích xác định ông C nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho bà T với số tiền 1.130.000.000 đồng theo phương thức cứ 06 tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ông Lâm Ngọc H- Trưởng văn phòng Công chứng Lâm Ngọc H có văn bản cho biết: Sau khi kiểm tra, được biết vào tháng 7/2016 ông Lý Huy C có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lý Thanh Đ và bà Lê Thị D nhờ chuyên viên văn phòng soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa cha, mẹ ông với bà T, sau đó không biết vì lý do gì mà hai bên không thống nhất ký nên văn phòng không phát hành hợp đồng, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Ý kiến bà T: Yêu cầu ông Đ, bà D và ông C liên đới trả cho bà vốn còn lại 1.400.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng từ khi vay cho đến khi xét xử. Do bà có giao dịch tại ngân hàng nơi ông C làm việc và bà D có mua bán ngoài chợ CĐ nên có quen biết, vào ngày 05/12/2014 vợ chồng ông Đ, bà D điện thoại hỏi vay 1.800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, để đáo hạn cho gia đình gồm ông Đ, ông C và bà D, sau đó chỉ có ông C đến nhà nhận 1.800.000.000 đồng. Việc bà Bích đại diện cho ông C khai không thỏa thuận lãi suất là vô lý, vì ông C là cán bộ ngân hàng biết rõ việc vay tiền đáo hạn ngân hàng luôn có tính lãi; khi bà D trả tiền bà cũng có yêu cầu bà D trừ vào lãi nhưng bà D hèn bán đất trả vốn còn lại và lãi chung; xác định không có giữ các biên nhận của ông C như bà Bích đã khai.

Ý kiến bà Bích đại diện theo ủy quyền cho C thừa nhận vốn vay của bà T là 1.800.000.000 đồng, vay tiền để làm ăn, vay không có kỳ hạn, không lãi suất, các giấy tờ vay đều do bà T giữ. Do không khả năng trả nợ nên ông C xin bà D tiền thanh toán cho bà T, tổng cộng ông C trả cho bà T 400.000.000 đồng. Việc ông C vay tiền không liên quan đến ông Đ, bà D. Xác định ông C còn nợ bà T vốn 1.400.000.000 đồng, xin trả dần 03 tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi

dứt. Đề nghị, bà T nhận phần đất do bà D, ông Đ đứng tên trừ toàn bộ nợ của ông C, sau khi hỏi ý kiến của bà D.

Ý kiến của bà D cũng là người đại diện theo ủy quyền cho ông Đ trình bày: Việc bà T nói vợ chồng bà vay tiền qua điện thoại là không đúng, bà không biết cô T là ai. Khi cô T lên đòi nợ con trai bà, bà mới biết cô T. Việc bà T nói gia đình bà có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng đến phòng công chứng Lâm Ngọc H chuyển nhượng cho bà để trừ nợ, những chứng cứ mà cô T đưa ra là cô T bịa đặt, vợ chồng bà hoàn toàn không có vay tiền của bà T, thương con bà hỗ trợ cho C và trực tiếp trả cho bà T 03 lần, tổng cộng 400.000.000 đồng, vợ chồng bà không chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T không đồng ý với đề nghị của bà B thì vợ chồng bà không đồng cho C phần đất của vợ chồng đứng tên để trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố CD, tỉnh AG xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Lý Huy C có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị Thanh T số tiền vốn, lãi tổng cộng 1.924.713.000 (một tỷ chín trăm hai bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm T và ông C có đơn kháng cáo, kháng cáo bản án số 50/2017/DSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố CD, tỉnh An Giang, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo: Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố CD, tỉnh An Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: việc vay số tiền 1.800.000.000 đồng của bà D, ông Đ, ông C mặc dù không lập thành văn bản nhưng được thực hiện bằng lời nói, bằng chứng là bà D có thương lượng với bà T về việc trả nợ (bà D đã trả 400.000.000 đồng) và bà D ông Đ có thỏa thuận giao phần đất của ông bà để trừ cán nợ (có xác nhận của ông Lâm Ngọc H). Do đó đề nghị tòa án tuyên buộc bà D, ông Đ và ông Cượng phải trả số nợ còn lại là 1.400.000.000 đồng và lãi phát sinh, đồng thời đề nghị việc xem xét tính lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự hiện hành.

Ông Lý Huy C kháng cáo: Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố CD, tỉnh AG, yêu

cầu tòa án phúc thẩm giải quyết cho ông C chỉ trả cho bà T số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và không lãi suất, đồng thời cho ông trả dần sáu tháng một lần 50.000.000 đồng đến dứt nợ.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của ông C và bà T, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà T và ông C trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông Đ, bà D và ông C chịu trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ:

Thấy rằng quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cho rằng ông Đ, bà D và ông C có vay của bà 1.800.000.000 đồng, vợ chồng bà D có trả được 400.000.000 đồng còn nợ 1.400.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Còn bà D là bị đơn trong vụ án và cũng là đại diện ủy quyền của ông Đ (đồng bị đơn) xác nhận: C là con ông, bà; C có vay của bà T 1.800.000.000 đồng, vợ chồng bà có hỗ trợ cho con (C) trả nợ được 03 lần với số tiền 400.000.000 đồng, đây là nợ riêng của C, vợ chồng bà không liên quan. Còn bà Bích (đại diện theo ủy quyền của C) thừa nhận C nợ 1.800.000.000 đồng, cha mẹ C có hỗ trợ trả được 400.000.000 đồng còn nợ 1.400.000.000 đồng và cho rằng nợ vay này không tính lãi.

Như vậy các bên đã thống nhất số tiền vay, có trả được 400.000.000 đồng còn nợ 1.400.000.000 đồng, nhưng chưa thống nhất về người thực hiện nghĩa vụ

trả nợ. Bà T xác định chính bà D là người điện thoại hỏi vay, còn C là người đến nhận và quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng bà D thỏa thuận về số tiền vay và là người trả nợ, có trả được 03 lần với số tiền 400.000.000 đồng, có viết giấy trả nợ, đây là chứng cứ chứng minh vợ chồng bà D và C có vay tiền.

Còn bà D cho rằng vợ chồng bà không liên quan đến vụ án, không biết bà T là ai, khi bà T đến nhà đòi nợ thì mới biết con bà (C) vay tiền của bà T, vì thương con nên vợ chồng bà có hỗ trợ cho con trả nợ bà T 03 lần được 400.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà D đều xác định không vay tiền của bà T, không biết bà T là ai, khi bà T đến nhà đòi nợ thì mới biết con bà (C) vay tiền của bà T. Nhưng bà lại biết số nợ của C là 1.800.000.000 đồng, đồng ý trả 100.000.000 đồng, còn 1.700.000.000 đồng, trong khi C không có mặt để xác nhận nợ. Hơn nữa lời khai của C khi Tòa án thụ lý vụ án thì C chỉ thừa nhận vay của bà T 02 lần với số tiền 1.530.000.000 đồng, chứ không phải 1.800.000.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 10/3/2015 có ghi “chị Đ có trả cho C cho em T trước 100.000.000 đồng, còn 1.700.000.000 đồng”, bà D cho rằng ghi biên nhận là ghi theo ý kiến của bà T, nhưng bà T phủ nhận, việc ghi giấy nợ là bà D tự ghi, do suy nghĩ đơn giản người trong gia đình ai ghi nhận nợ cũng được.

Sau đó vợ chồng bà D cũng là người trực tiếp thỏa thuận trả nợ vào ngày 31/8/2015 là 200.000.000 đồng và ngày 03/01/2016 trả 100.000.000 đồng. Hai lần trả nợ này cũng không có mặt của C và trong suốt thời gian từ khi vay đến khi trả nợ không có chứng cứ thể hiện bà T và C có thỏa thuận về số tiền nợ vay.

Thấy rằng, lẽ ra C là người vay tiền thì C phải có trách nhiệm với người vay, vì C đã trưởng thành, công tác ngành Ngân hàng nên phải tự chịu trách nhiệm với nghĩa vụ của mình. Nhưng từ khi bà T đến đòi nợ đến việc thỏa thuận trả nợ là do vợ chồng bà D thực hiện, không thể hiện có sự xác nhận nợ hay thỏa thuận của ông C, nên việc bà D cho rằng không quen biết bà T, không liên quan đến vay nợ là không đúng với các chứng cứ và diễn biến thực tế.

Tại biên bản phiên tòa ngày 28/9/2017 bà Nguyễn Thị Ngọc Bích đại diện theo ủy quyền của ông C đề nghị thỏa thuận với nguyên đơn về việc thanh toán tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, bà đề nghị để ông C làm ăn thì ông C xin gia đình phần đất để giao cho bà T với điều kiện khấu trừ ngang số nợ của ông C và tại biên bản phiên tòa ngày 21/11/2017 bà Nguyễn Thị Ngọc Bích đại diện theo ủy quyền của ông C xác nhận ông C còn nợ 1.400.000.000 đồng, xin trả 06 tháng 50.000.000 đồng và đề nghị bà T nhận đất do bà D và ông Đ đứng tên để trừ toàn bộ nợ, sau khi hỏi ý kiến của bà D. Ý kiến bà D không thừa nhận quen biết với bà T, không vay nợ bà T, bà chỉ hỗ trợ cho con 400.000.000 đồng trả nợ, nếu bà T không đồng ý với đề nghị của bà Bích thì vợ chồng bà không đồng ý cho C phần đất của vợ chồng đứng tên để trả nợ.

Qua phần hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa bà D trình bày Lý Huy C là con trai duy nhất của ông Đ, bà D. C chưa có vợ con sống chung gia đình, hiện Đg công tác trong ngành Ngân hàng trụ sở tại thành phố CD. Việc C vay tiền của bà T vợ chồng bà không biết, không biết C sử dụng tiền vay vào mục đích gì, nhưng vì thương con mới hỗ trợ trả nợ.

Còn bà T cho rằng số tiền 1.800.000.000 đồng là số tiền lớn, do quen biết tin tưởng nhau nên bà mới cho vợ chồng bà D ông Đ vay, việc đòi nợ thì bà đòi vợ chồng bà D ông Đ và chính vợ chồng bà D ông Đ là người trả tiền và thỏa thuận giao đất ruộng để trừ nợ, nhưng giá đất vợ chồng bà D ông Đ đưa ra quá cao nên bà T không nhận.

Từ những căn cứ trên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T về yêu cầu vợ chồng bà D ông Đ và C phải liên đới trả nợ.

[2.2] Đối với kháng cáo về lãi suất:

Bà T kháng cáo yêu cầu tính lại lãi suất, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà T đồng ý theo cách tính lãi của cấp sơ thẩm.

Còn ông C kháng cáo cho rằng việc vay tiền không có lãi và xin trả dần cứ 06 tháng trả 50.000.000 đồng yêu cầu này bà T không đồng ý.

Hội đồng xét xử, xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét yêu cầu của ông C và đã tính lãi suất theo như án sơ thẩm là có căn cứ. Nên kháng cáo về lãi suất và xin trả dần của ông C là không có cơ sở để xem xét,

Từ những căn cứ trên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà T, buộc bà D, ông Đ và ông C liên đới trả nợ.

[3]. Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Huy C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố CD, tỉnh An Giang

Phúc xử:

Buộc ông Lý Thanh Đ, bà Lê Thị D, ông Lý Huy C có trách nhiệm liên đới trả cho Nguyễn Thị Thanh T số tiền vốn 1.400.000.000 đồng, lãi

524.713.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 1.924.713.000 (một tỷ chín trăm hai bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà D, ông C chậm trả số nợ trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lý Thanh Đ, bà Lê Thị D, ông Lý Huy C phải chịu 69.741.000 (sáu mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn) đồng .

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà T số tiền 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007311 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014982; ông Lý Huy C 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0014985 ngày 05/12/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố CĐ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu